

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 4 – 2021.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Thị Tất.

Ông Nguyễn Long Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 382/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2021/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; nơi thường trú: ấp Q, xã P, huyện O, tỉnh Hậu Giang; nơi tạm trú: ấp G, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh K, sinh năm 1987; nơi thường trú: ấp F, xã VE, huyện D, tỉnh Hậu Giang; nơi tạm trú: ấp G, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N và ông K tự nguyện sống chung từ năm 2010 và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện O, tỉnh Hậu Giang ngày 21 tháng 8 năm 2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2012, quyền số 01/2012. Quá trình sống chung, bà N và ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng cãi vã, bất đồng quan điểm về chăm sóc gia đình, mâu thuẫn về kinh tế làm cho vợ

chồng sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Bà N và ông K không còn sống chung. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông K.

Về con chung: bà N và ông K có một con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2010. Hiện nay, cháu N đang sinh sống và có nguyện vọng sống chung với bà N. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh mang tên Lê Thị Quỳnh N (bản sao);

*Tại biên bản lấy lời khai ông Lê Minh K trình bày:*

Ông K thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian sống chung, đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông K và bà N về xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Ông K xác định quá trình chung sống giữa ông K với bà N có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình không rõ ràng dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, cuộc sống vợ chồng ngày càng không hạnh phúc (Bút lục số 29). Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông K thì ông K có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông K không đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: ông K thống nhất như lời trình bày của bà N về con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông K đồng ý để bà N nuôi dưỡng con chung là cháu N. Ông K không cấp dưỡng nuôi con (Bút lục 29).

Về tài sản chung và nợ chung: ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông K tại nơi cư trú được biết: bà N và ông K là vợ chồng, quá trình chung sống bà N và ông K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã (Bút lục 45).

Tại phiên tòa: nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của bà N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; ông K hiện nay nơi cư trú ấp G, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: bà N và ông K tự nguyện sống chung từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện O, tỉnh Hậu Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64/2012, quyển số 01/2012 ngày 21 tháng 8 năm 2012 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà N yêu cầu ly hôn với ông K vì quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm về chăm sóc gia đình, mâu thuẫn về kinh tế làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Bà N và ông K đã sống ly thân, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú được biết: bà N và ông K là vợ chồng, quá trình chung sống tại địa phương, bà N và ông K sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã (Bút lục 45).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 12 năm 2020, ông K xác định quá trình chung sống giữa ông K với bà N có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, chỉ tiêu sinh hoạt trong gia đình không rõ ràng dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, cuộc sống vợ chồng ngày càng không hạnh phúc (Bút lục số 29). Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc ông K cho rằng mâu thuẫn giữa ông K với bà N là không trầm trọng là không có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy, bà N và ông K phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, mục đích sống chung không có ý nghĩa. Bà N và ông K không còn sống chung nên không có điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N đối với ông K là có căn cứ để chấp nhận và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: bà N và ông K có một con chung tên Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2010. Xét thấy, cháu N hiện nay đang sinh sống ổn định với bà N; cháu N có nguyện vọng ở chung với bà N. Ông K đồng ý để bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu N. Do đó, tiếp tục giao cháu N cho bà N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu N

thành niên là chính đáng và phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 57 và 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn ông Lê Minh K về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Minh K.

Về con chung: giao cháu Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 20 tháng 5 năm 2010 cho bà Lê Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Lê Minh K có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình: bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu tiền số AA/2016/0039154 ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- UBND xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Minh Thảo**

